

**ĐỀ ÁN**

**Huy động hiệu quả các nguồn lực xây dựng kết cấu hạ tầng,  
nhất là hạ tầng giao thông, thủy lợi**

**Phần mở đầu**

**Sự cần thiết và căn cứ pháp lý xây dựng Đề án**

**I. Sự cần thiết xây dựng Đề án:**

Trong những năm qua, được sự quan tâm của Nhà nước, sự hỗ trợ của các tổ chức Quốc tế và các tổ chức khác, cùng với sự tích cực chỉ đạo của UBND huyện đối với các ngành, UBND các xã, thị trấn trong việc phát huy nội lực trong nhân dân, tích cực huy động, thu hút các nguồn đầu tư; vận dụng, lồng ghép các Chương trình, Dự án để tạo nguồn lực tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng KT-XH. Nhờ vậy, nền kinh tế của huyện không ngừng phát triển, hệ thống cơ sở hạ tầng có nhiều chuyển biến tích cực, mạng lưới giao thông khá hoàn chỉnh. Hệ thống công trình thủy lợi được đầu tư nâng cấp sửa chữa, kênh mương đã được kiên cố hóa các tuyến xung yếu góp phần đáp ứng nhu cầu sản xuất, sinh hoạt và đời sống của nhân dân. Tuy nhiên, trên thực tế việc huy động nguồn lực ở các địa phương và trong nhân dân còn có nhiều hạn chế, chủ yếu đầu tư bằng nguồn ngân sách. Một số chính sách đầu tư cho xây dựng giao thông và thủy lợi chưa phù hợp, cần phải điều chỉnh bổ sung.

Để khắc phục những tồn tại và tạo cơ chế chính sách để tiếp tục đẩy mạnh công tác huy động nguồn lực xây dựng kết cấu hạ tầng trên địa bàn huyện nhằm hoàn thiện các mục tiêu ch nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội giai đoạn năm 2021-2025 mà đại hội đảng bộ huyện lần thứ 20 đề ra. UBND huyện xây dựng đề án “Huy động hiệu quả các nguồn lực xây dựng kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông, thủy lợi” để có cơ sở triển khai thực hiện .

**II. Cơ sở pháp lý để xây dựng Đề án:**

**1. Chủ trương, chính sách của Chính phủ và các Bộ, ngành:**

Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 15/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về thu hút các nguồn lực xã hội cho nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội vùng biên giới đất liền, trên biển và hải đảo, gắn với bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia và nâng cao đời sống nhân dân.

Nghị định 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

## **2. Chủ trương, chính sách của tỉnh, huyện:**

- Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh Quảng Trị về việc xây dựng nông thôn mới năm 2020;

- Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 12/5/2021 của HĐND tỉnh Quảng Trị về việc cho ý kiến lần 2 đối với kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ và vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 của tỉnh;

- Quyết định số 2358/QĐ-UBND ngày 27/9/2016 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2025;

- Nghị Quyết số 04/NQ/HU ngày 19/12/2016 của Huyện ủy Triệu Phong ngày 19/12/2016 về xây dựng và phát triển thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025;

- Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 của HĐND huyện Triệu Phong về việc thông qua đề án xây dựng và phát triển thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025;

- Nghị Quyết số 04/NQ/HU ngày 19/12/2016 của Huyện ủy Triệu Phong ngày 19/12/2016 về xây dựng và phát triển thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025;

- Nghị quyết Đại hội XX Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 2021 - 2025;

- Chương trình hành động số -CTr/HU ngày tháng năm 2021 của Huyện ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội XX Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 2021 - 2025;

- Kế hoạch số 765/KH-UBND ngày 16/3/2021 của UBND huyện về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2020-2025.

- Quy hoạch xây dựng nông thôn mới các xã trên địa bàn huyện.

## **III. Mục tiêu của đề án:**

Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện theo hướng đồng bộ, từng bước hiện đại, tạo động lực thu hút đầu tư, bảo đảm thực hiện mục tiêu xây dựng huyện Triệu Phong đạt chuẩn nông thôn mới trước năm 2025.

## **IV. Phạm vi của dự án:**

Kết cấu hạ tầng là tổng thể các cơ sở vật chất, kỹ thuật, kiến trúc đóng vai trò nền tảng cho các hoạt động kinh tế - xã hội được diễn ra một cách bình thường. Người ta chia kết cấu hạ tầng thành kết cấu hạ tầng kỹ thuật hay còn gọi là kết cấu hạ tầng kinh tế và kết cấu hạ tầng xã hội.

Kết cấu hạ tầng xã hội: là tổng hợp các công trình phục vụ cho các điểm dân cư, như nhà văn hoá, các cơ sở y tế, các trường học và các hoạt động dịch vụ công cộng khác. Các công trình này thường gắn liền với đời sống của các điểm dân cư, góp phần ổn định nâng cao đời sống dân cư trên lãnh thổ.

Kết cấu hạ tầng kỹ thuật: là các công trình phục vụ cho sản xuất và đời sống con người như: giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, mạng lưới cấp thoát nước, hệ thống cung cấp điện.

Phạm vi của đề án huy động hiệu quả các nguồn lực xây dựng kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông, thủy lợi

## **Phần thứ hai**

### **Tình hình phát triển kinh tế xã hội và thực trạng kết cấu hạ tầng huyện, nhất là hạ tầng giao thông, thủy lợi**

#### **I. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội của huyện:**

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 5 năm 2015-2020 ước đạt 11,5% (NQ: tăng bình quân hàng năm 12-13%). Trong đó: Nông-lâm-ngư nghiệp tăng 2,8% (NQ: 4,5-5%); Công nghiệp-Xây dựng tăng 17% (NQ: 17-18%); Thương mại - Dịch vụ tăng 14% (NQ: 16-17%).

- Cơ cấu kinh tế năm 2020: Nông - lâm - thủy sản chiếm 24,10%; Công nghiệp - xây dựng chiếm 36,36%; Thương mại - Dịch vụ chiếm 39,54% (NQ: Nông - lâm - thủy sản chiếm 25 - 26%; Công nghiệp - Xây dựng chiếm 33 - 34%, Thương mại - Dịch vụ chiếm 41 - 42%).

- Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2020 ước đạt 53 triệu đồng (NQ: 52-55 triệu đồng).

- Tổng thu ngân sách nhà nước năm 2020 ước đạt 449,198 tỷ đồng. Tốc độ tăng thu ngân sách trên địa bàn bình quân hàng năm ước đạt 7,3%,

- Có 12/17 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt 70,59%

#### **II. Thực trạng hệ thống kết cấu hạ tầng của huyện, nhất là hạ tầng giao thông, thủy lợi:**

##### **1. Kết cấu hạ tầng Thủy lợi :**

Hiện nay, trên địa bàn huyện có 04 đập, hồ chứa nước và 83 trạm bơm, trong đó có 03 công trình đập, hồ chứa và 05 trạm bơm do Công ty TNHH MTV quản lý khai thác công trình thủy lợi Quảng Trị quản lý, các công trình còn lại do các tổ chức thủy lợi cơ sở quản lý. Các công trình này cùng với các tuyến kênh N1, N2A, N3, N6 có nhiệm vụ tưới cho khoảng 6.030 ha đất canh tác trên địa bàn huyện.

Các công trình thủy lợi nhỏ trên địa bàn huyện do các tổ chức thủy lợi cơ sở quản lý như hợp tác xã, tổ hợp tác, các tổ chức này được thành lập theo quy định của pháp luật, có tư cách pháp nhân và con dấu riêng, cán bộ quản lý được tập huấn, bồi dưỡng theo quy định. Qua rà soát, đánh giá hiện trạng kết cấu hạ tầng thủy lợi trên địa bàn huyện Triệu Phong như sau:

- Hệ thống thủy lợi liên xã được xây dựng phù hợp với quy hoạch thủy lợi đã được phê duyệt.

- Hệ thống kênh mương: Huyện Triệu Phong có hệ thống kênh mương cấp 3 và hệ thống kênh mương nội đồng do huyện quản lý dài hơn 400,7 km, trong đó đã kiên cố hóa đến thời điểm này đạt 193,8km, còn hơn 206,9km cần kiên cố hóa.

#### BẢNG THỐNG KÊ KÊNH MƯƠNG CHI TIẾT ĐẾN CÁC ĐỊA PHƯƠNG

TT	XÃ	TỔNG CHIỀU DÀI	ĐÃ KCH	TỶ LỆ %
1	TT Ái Tử			
2	xã Triệu Ái	17,5	3,1	17,8
3	xã Triệu Giang	14,0	3,0	21,4
4	xã Triệu Thượng	13,5	2,4	17,8
5	xã Triệu Long	40,7	9,0	22,1
6	xã Triệu Thành	23,0	18,3	79,5
7	xã Triệu Hòa	41,6	15,0	36,1
8	xã Triệu Đại	36,8	15,8	43,0
9	xã Triệu Độ	20,0	15,2	76,2
10	xã Triệu Thuận	18,0	9,0	50,0
11	xã Triệu Phước	44,5	26,8	60,1
12	xã Triệu Trạch	39,1	15,1	38,7
13	xã Triệu Sơn	31,9	25,7	80,6
14	xã Triệu Trung	34,3	17,0	49,7
15	xã Triệu Tài	25,8	18,2	70,7
		<b>400,7km</b>	<b>193,8 km</b>	<b>48,4%</b>

Chương trình Kiên cố hóa kênh mương đã đem lại những hiệu quả thiết thực, góp phần khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên đất đai, nước, nâng cao năng suất, sản lượng, chất lượng hàng hóa nông sản, ổn định việc bố trí dân cư và giảm nhẹ những ảnh hưởng do thiên tai... Tuy nhiên, do chiều dài tuyến kênh mương lớn không thể đầu tư trong một thời gian ngắn được, việc đầu tư xây dựng mới kết hợp với duy tu bảo dưỡng những tuyến kênh lâu ngày đã xuống cấp. Trong đợt mưa lũ năm 2020 nhiều tuyến kênh đã được kiên cố hóa bị mưa lũ cuốn trôi và làm hư hỏng, được sự quan tâm của Trung ương, tỉnh hỗ trợ khắc phục hư hỏng do mưa lũ về kiên cố hóa kênh mương nhưng chỉ đầu tư khắc phục sửa chữa nên tỷ lệ kiên cố hóa không tăng.

- Hệ thống Trạm bơm: Trên địa bàn huyện có 83 trạm bơm: (Trong đó: 05 trạm bơm do Công ty TNHH MTV quản lý khai thác công trình thủy lợi Quảng Trị quản lý, các công trình còn lại do các tổ chức thủy lợi cơ sở HTX quản lý)

- Hệ thống kênh tiêu: Hệ thống kênh tiêu ứng trên địa bàn huyện Triệu Phong chủ yếu là kênh đất hướng thoát ứng chính ra sông Thạch Hãn, Sông Vĩnh Định và Sông mới.

## 2. Kết cấu GTNT:

### a. Đường bộ:

Toàn huyện có 1.208,68km đường bộ, bao gồm: 02 tuyến Quốc lộ: QL1, QL49C; 02 tuyến đường tỉnh ĐT.579, ĐT.578b; 30 tuyến đường huyện; 68 đường nội thị thị trấn Ái Tử; đường xã, đường liên thôn và đường ngõ xóm, nội đồng.

Trong đó:

- Quốc lộ: 32,3km chiếm 2,67%
- Đường tỉnh: 11,5km chiếm 0,95%
- Đường nội thị: 56,88km chiếm 4,71%
- Đường huyện: 221,8km chiếm 18,35%
- Đường xã, liên thôn: 227,75km chiếm 18,84%
- Đường ngõ, xóm, nội đồng: 658,45km chiếm 58,48%

Kết cấu mặt đường: bao gồm các loại kết cấu áo đường: Bê tông xi măng, bê tông nhựa, láng nhựa, cấp phối và đường đất; trong đó kết cấu đường đất và cấp phối còn chiếm tỷ lệ lớn (38,53%).

Bảng tổng hợp kết cấu áo đường theo từng loại đường:

TT	Loại đường	Kết cấu mặt đường							
		BTXM		BIN+Láng nhựa		Cấp phối		Đất	
		Km	%	Km	%	Km	%	Km	%
1	Quốc lộ	-	-	32,30	2,67%	-	-	-	-
2	Đường tỉnh	-	-	11,50	0,95%	-	-	-	-
3	Đường huyện	42,80	3,54%	99,50	8,23%	62,50	5,17%	17,00	1,41%
4	Đường nội thị	0,69	0,06%	20,80	1,72%	18,95	1,57%	16,44	1,36%
5	Đường xã, liên thôn	74,38	6,15%	31,86	2,64%	0,00	0,00%	121,51	10,05%
6	Đg ngõ, xóm, NĐ	337,27	27,90%	3,80	0,31%	0,00	0,00%	229,33	18,97%
Toàn huyện		455,15	37,66%	199,76	16,53%	81,45	6,74%	384,27	31,79%

### 2.1. Hiện trạng các tuyến đường bộ.

#### 2.1.1. Quốc lộ 1.

Huyện Triệu Phong có tuyến Quốc lộ 1A chạy qua với chiều dài 7,4km. Điểm đầu tại Km761+550 phía Nam cầu Lai Phước, điểm cuối tại Km768+950 thuộc địa phận thôn Nhan Biều 1, xã Triệu Thượng. QL1A qua địa bàn huyện Triệu Phong có mặt cắt 37,0m, mặt đường rộng 23,0m (11,5m x 2), dải phân cách rộng 2,0m, hè phố rộng mỗi bên 6,0m. Toàn tuyến là đường bê tông nhựa, chất lượng mặt đường tốt.

#### **2.1.1. Quốc lộ 49C.**

Quốc lộ 49C chạy qua địa bàn huyện dài 24,9km. Điểm đầu tại Km0+620 phía Nam cầu Cửa Việt, điểm cuối tại Km24+900 giáp xã Hải Ba, huyện Hải Lăng. Mặt đường bằng đá nhựa và bê tông nhựa, có bề rộng từ 5,5m đến 7,0m.

#### **2.1.2 Hệ thống đường tỉnh.**

Huyện có tuyến đường tỉnh ĐT.579, ĐT 578, ĐT578b, Đường hành lang kinh tế Đông tây đi qua. Tuyến đường tỉnh giữ vai trò quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội giữa các địa phương trong huyện, cũng như giữa huyện với các huyện khác trong tỉnh.

#### **2.1.4. Hệ thống đường huyện.**

Hệ thống đường huyện với tổng chiều dài 221,8km chiếm 18,35% trong tổng số km đường bộ toàn huyện. Kết cấu mặt đường như sau:

- BTN + đá dăm nhựa chiếm 44,86% với 99,5km
- BTXM chiếm 19,30% với 42,80km
- Cấp phối chiếm 28,78% với 62,50km
- Đường đất chiếm 7,06% với 17,00km

Đường huyện đạt chuẩn đường cấp V, cấp VI, một tuyến đạt tiêu chuẩn đường cấp IV; một số tuyến tiêu chuẩn đường GTNT loại A, GTNT loại B với nền rộng từ 5m đến 9m, mặt rộng từ 3,5m đến 6m. Đường đất vẫn chiếm tỷ trọng khá cao với 19,65%. Hệ thống đường huyện hầu hết được kết nối với Quốc lộ 1, QL49C và tuyến đường tỉnh, phân bố qua trung tâm các xã trong huyện tạo thành một hệ thống mạng lưới đường bộ liên hoàn có vai trò liên kết các xã trong huyện với trung tâm huyện lỵ là Thị trấn Ái Tử, đồng thời đảm nhận vận chuyển hàng hoá giữa các xã vùng gò đồi phía Tây với các xã vùng cát ven biển và các xã vùng đồng bằng trong huyện, ngoài ra còn đảm nhận vận chuyển hàng hóa đi các huyện trong tỉnh cũng như với các tỉnh trong khu vực.

#### **2.1.4. Hệ thống đường nội thị.**

Mạng lưới đường giao thông nội thị của thị trấn Ái Tử có tổng chiều dài 56,88km chiếm 4,71% trong tổng số km đường bộ của huyện; bao gồm: 33 tuyến đường phía Tây Thị trấn với tổng chiều dài 24,783km; đường phía Đông Thị trấn với tổng chiều dài 32,093km. Kết cấu mặt đường như sau:

- BTN + đá dăm nhựa chiếm 36,57% với 20,80km
- BTXM chiếm 1,21% với 0,69km
- Đường cấp phối chiếm 33,31% với 18,95km
- Đường đất chiếm 28,91% với 16,44km

#### **2.1.5. Hệ thống đường xã.**

Toàn huyện có 38 tuyến đường xã với tổng chiều dài 93,83km trong 227,75km đường xã, liên thôn, các tuyến phân bố chủ yếu trên các xã thuộc khu vực trung tâm huyện. Các tuyến đường xã hiện tại đều đạt tiêu chuẩn đường cấp

VI, và đường GTNT loại A, loại B với nền rộng từ 5m đến 7m và mặt rộng từ 3m đến 5m ; kết cấu mặt hầu hết là đường đất chất lượng từ trung bình đến rất xấu. Các tuyến đường liên thôn hầu hết đều chưa được vào cấp có nền rộng 4 - 6m, mặt rộng 2 - 3,5 m trải cấp phối.

**2.1.6. Hệ thống đường liên thôn:** trên địa bàn huyện Triệu Phong hiện có 227,75km đường liên thôn, các tuyến này đều được rải cấp phối và có mặt rộng 2 - 3,5m, nền rộng 4 - 6m

**2.1.7. Hệ thống đường thôn, xóm.**

Toàn huyện Triệu Phong hiện có: 658,45km đường nội thôn xóm; trong đó có 337,27km là đường bê tông xi măng, còn lại là 384,27km đường đất.

**3. Những Ưu điểm tồn tại, hạn chế khó khăn trong việc huy động nguồn vốn:**

**a. Ưu điểm:**

- Việc huy động nguồn lực để xây dựng kết cấu hạ tầng KT-XH đã được UBND huyện chỉ đạo chặt chẽ đối với các ngành, các cấp, triển khai thực hiện đến từng địa phương.

- Đã thực hiện nhiều chương trình, dự án ở nhiều lĩnh vực khác nhau để thu hút nguồn vốn đầu tư. Ngoài nguồn kinh phí đầu tư từ ngân sách, đã huy động được nguồn lực của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; tranh thủ được sự tài trợ của các Quốc tế như: Vương quốc Na Uy, Tầm nhìn thế giới, DOVE Fund..., và huy động nguồn lực từ trong nhân dân.

- Nhân dân tin tưởng vào đường lối, chủ trương đúng đắn của Nhà nước, thực hiện tốt "Nhà nước và Nhân dân cùng làm", việc huy động nội lực trong dân ngày càng tăng cao, đã đề cao được trách nhiệm của nhân dân trong việc huy động nguồn lực quản lý sử dụng hiệu quả các nguồn lực.

- Nhiều địa phương đã tích cực vận động, chủ động tổ chức các hoạt động để huy động nguồn lực từ trong nhân dân và tranh thủ sự tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng.

- Các chương trình, dự án được lồng ghép nguồn vốn đầu tư hợp lý, phù hợp quy hoạch, kế hoạch phát triển KT-XH trên địa bàn. Triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ, kế hoạch đề ra; trình tự thủ tục về XD/CB được tiến hành theo đúng quy định của Nhà nước về quản lý xây dựng.

**b. Tồn tại:**

Trong những năm qua, việc huy động nguồn lực chủ yếu là nguồn vốn đầu tư từ ngân sách. Các hoạt động để thu hút vốn đầu tư, tranh thủ nguồn tài trợ từ các tổ chức Quốc tế, các tổ chức trong và ngoài nước để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng mới chỉ tập trung tại huyện và một số ít địa phương trên địa bàn.

- Công tác quy hoạch phát triển đối với từng ngành chưa được đầu tư đúng mức nên trong quá trình tổ chức thực hiện còn bị động, lúng túng nhất là đối với cơ sở.

- Chưa có cơ chế chính sách thích hợp để kêu gọi sự thu hút đầu tư từ bên ngoài vào địa bàn huyện.

- Một số cấp ủy Đảng, chính quyền ở các địa phương chưa tích cực phát huy vai trò nhiệm vụ của mình trong việc chủ động, tổ chức các hoạt động để huy động các nguồn lực, còn trông chờ, ỷ lại vào sự đầu tư của Nhà nước.

- Công tác xã hội hóa thực hiện chưa tích cực nên việc huy động nội lực trong nhân dân còn hạn chế, thiếu các biện pháp cụ thể. Chưa tích cực tuyên truyền vận động nhân dân phát huy tính tự lực khai thác tiềm năng sẵn có để tạo nguồn thu; hình thức huy động nguồn lực chưa linh hoạt, thiếu tính đa dạng; nhiều địa phương chỉ chủ yếu huy động nội lực bằng ngày công lao động của nhân dân hoặc theo khẩu phần đất sản xuất nông nghiệp.

- Năng lực quản lý đầu tư của một số chủ đầu tư còn yếu, công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng chưa được thực hiện một cách nghiêm túc, việc giám sát cộng đồng tại địa phương chưa chặt chẽ.

- Công tác bảo trì, duy tu sửa chữa thường xuyên chưa được quan tâm đúng mức dẫn đến nhiều công trình xây dựng kém chất lượng, nhanh xuống cấp.

### **Phần thứ ba**

#### **Mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp huy động nguồn lực xây dựng kết cấu hạ tầng giai đoạn 2021-2015 và định hướng đến năm 2030**

##### **1. Mục tiêu:**

Tích cực huy động tốt nguồn lực trong nhân dân, đồng thời tranh thủ sự giúp đỡ hỗ trợ của các chương trình, dự án đầu tư của TW, của tỉnh, của các doanh nghiệp và các tổ chức Quốc tế để tạo ra sức mạnh tổng hợp trong việc huy động mọi nguồn lực để xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; thực hiện có hiệu quả hướng đến mục tiêu xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới trước năm 2025.

Tăng cường đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội để thúc đẩy sản xuất phát triển, nâng cao đời sống nhân dân. Thực hiện tốt phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm".

Trong những năm trước mắt cần tập trung thực hiện các nội dung chủ yếu đó là:

1.1- Khai thác có hiệu quả các chương trình, dự án đầu tư mới; đồng thời có kế hoạch duy tu, bảo trì và phát triển có hiệu quả các cơ sở hạ tầng kinh tế-xã hội hiện có. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong đầu tư XDCB và trong triển khai thực hiện các dự án.

1.2- Tập trung huy động tốt các nguồn lực, tích cực huy động nội lực để xây dựng mới các công trình, dự án phục vụ nhu cầu sản xuất và đời sống ngày càng cao của nhân dân.

+ Tiếp tục thực hiện KCH các tuyến kênh cấp III trên địa bàn; các tuyến đường Huyện quản lý và đường về trung tâm xã được cứng hóa mặt đường 100%, trong đó nhựa hóa hoặc bê tông hoá 50%;

+ Tiếp tục thực hiện chương trình bê tông hóa đường giao thông nông thôn mỗi năm từ 15-20 km; ưu tiên vốn đối ứng cho các dự án ngân sách TW, tỉnh hỗ trợ đầu tư nhằm hoàn thiện, phát huy hiệu quả của dự án;

1.3- Phối hợp tốt với các cơ quan TW, các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh, các nhà đầu tư trong việc thực hiện các dự án Xây dựng Đường Hùng Vương kéo dài, cầu An Mô; Dự án BIG II, đường cứu hộ, cứu nạn Tây Triệu Phong... Nao vét các hời tiêu đảm bảo chống tiêu úng cho đồng ruộng.

**2. Nhiệm vụ trọng tâm trong phát triển kết cấu hạ tầng thủy lợi và giao thông giai đoạn 2021-2025 :**

**2. 1. Kết cấu hạ tầng Thủy lợi :**

- Kiên cố hóa kênh mương;

+ Kênh loại I, II tích cực phối hợp với Công ty TNHH MTV Quản lý, khai thác CTTL Quảng Trị quản lý và thực hiện đầu tư công trình dự án trên địa bàn.

+ Kênh cấp III (cấp huyện, xã quản lý): có 206,9 km chưa kiên cố hóa, phấn đấu đến năm 2025 thêm 104 km kênh mương được kiên cố hóa và 102.9 km kênh chưa kiên cố hóa sẽ triển khai hoàn thành đến năm 2030.

Hệ thống kênh tiêu:

- Thực hiện đầu tư kênh tiêu úng Thuận, Trạch, Trung, Tài, huyện Triệu Phong.

- Kênh tiêu úng Mụ Cheo xã Triệu Sơn.

- Kênh tiêu úng xã Triệu Thành, Triệu Đại, Triệu Long

**2. 2. Kết cấu hạ tầng giao thông:**

a. Đường huyện;

Đầu tư xây dựng, nâng cấp một số tuyến đường huyện đảm bảo theo quy hoạch, tiêu chuẩn kỹ thuật, như:

+ Đường nối cầu An Mô vào Khu lưu niệm TBT Lê Duẩn

- + Đường ĐH.41 (đoạn từ thôn Linh An đi Chợ Cạn).
- + Đường ĐH.43B, ĐH.43C (Triệu Trung đi Triệu Tài, Triệu Sơn).
- + Đường ĐH.46 (Triệu Thuận đi Triệu Phước).
- + Nâng cấp 3 tuyến đường ĐH: 44B, 44C, 44E.
- + Nâng cấp đường ĐH 46C.
- + Đường ĐH.42 (từ Triệu An đi Triệu Lăng).
- + Điểm dừng tại Bồ Bản (500m<sup>2</sup>).
- + Đường ĐH 48B (Ái Tử - Trù Lầu).

b. Đường nội thị:

+ Đầu tư xây dựng hoàn thiện đường Nguyễn Hoàng, thị trấn Ái Tử (Dự án: Đường giao thông kết nối thị trấn Ái Tử với các xã phía Tây huyện Triệu Phong)

+ Đầu tư xây dựng hoàn thiện đường Lê Hồng Phong, đường Nguyễn Văn Linh, thị trấn Ái Tử (Dự án: Hệ thống đường kết nối thị trấn Ái Tử với thị xã Quảng Trị).

- + Đường Trường Chinh (T19),
- + Đường Trường Công Kính (TK2).
- + Nâng cấp đường Trần Hữu Dực
- + Đường Trần Phú, thị trấn Ái Tử.
- + Đường Hồng Chương, thị trấn Ái Tử
- + Hệ thống thoát nước, thị trấn Ái Tử

c. Đường xã:

- + Đường Đồng Giám – Thanh Liêm - Giáo Liêm xã Triệu Độ.
- + Đường qua khu dân cư Thâm Triều xã Triệu Tài
- + Đường qua khu dân cư Thôn Tân Xuân xã Triệu Thượng
- + Đường Tân Xuân-Trám, xã Triệu Thượng (Dự án LRAMP)

d. Hệ thống đường liên thôn, thôn, ngõ xóm:

Toàn huyện Triệu Phong hiện có: 350,84km đường liên thôn, thôn, ngõ xóm chưa được bê tông hóa phần đầu đến năm 2025 thêm 100km đường đất được bê tông hóa 250.84km đường đất được bê tông hóa triển khai hoàn thành đến năm 2030.

**3. Huy động nguồn lực cho phát triển kết cấu hạ tầng thủy lợi và giao thông giai đoạn 2021-2025:**

Tổng nhu cầu nguồn vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng nhất là thủy lợi và giao thông giai đoạn 2021-2025 là 613,3 tỷ đồng, trong đó ngân sách trung

ương 356,5 tỷ đồng, ngân sách tỉnh 84 tỷ đồng, ngân sách huyện 105,4 tỷ đồng nhân dân đóng góp, nguồn hỗ trợ khác, đóng góp doanh nghiệp HTX 71,2 tỷ đồng.

#### **4 . Giải pháp huy động vốn:**

##### **1.1. Đối với các công trình thuỷ lợi:**

- Nhà nước đầu tư 100% vốn cho các công trình mang lại lợi ích lớn có tính chất trọng yếu như công trình đầu mối, kênh cấp I cấp II (tính quản lý);

- Vốn chương trình mục tiêu tái cơ cấu Nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định dân cư; Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội các vùng và ngân sách địa phương theo Quyết định số 639/QĐ-UBND ngày 13/3/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án: Hệ thống tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp tỉnh Quảng Trị.

- Vốn xây dựng KCH kênh cấp 3: Đầu tư sử dụng vốn CT MTQG Xây dựng NTM, nhà nước đầu tư 50% nhân dân đóng góp 50% đối với vùng đồng bằng và nhà nước đầu tư 95% nhân dân đóng góp 5% đối với xã đặc biệt khó khăn (theo Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh Quảng Trị về việc xây dựng nông thôn mới năm 2020). Các trục tiêu chính, các công trình đã phân cấp xã quản lý nhưng liên quan đến nhiều xã, thực hiện theo phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, ngân sách Nhà nước hỗ trợ một phần;

- Nguồn vốn hỗ trợ theo Nghị định 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

- Ngân sách trung ương hỗ trợ.

- Ngân sách tỉnh hỗ trợ.

- Ngân sách huyện (XDCB TT và đầu đất) thực hiện đầu tư.

- Vốn đóng góp của nhân dân và doanh nghiệp, HTX.

- Các công trình thuỷ lợi nội đồng chủ yếu sử dụng nguồn vốn do nhân dân.

- Vốn Tài trợ và huy động hợp pháp khác.

##### **1.2. Đối với các công trình giao thông:**

- Nhà nước đầu tư vốn 100% để xây dựng và duy tu các tuyến đường huyện quản lý (đường liên xã) và các tuyến đường đến trung tâm xã. Đối với các tuyến đường xã, thôn xóm, đường nội thị trấn Ái Tử và giao thông nội đồng do địa phương quản lý được hỗ trợ một phần ngân sách, phần còn lại chủ yếu sử dụng nguồn quỹ đầu đất và hoa lợi công sản của xã, nguồn đóng góp của nhân dân và huy động từ các nguồn khác.

+ Vốn BTH GTNT: Đầu tư sử dụng vốn CT MTQG Xây dựng NTM, nhà nước đầu tư 50% nhân dân đóng góp 50% đối với vùng đồng bằng (theo Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh Quảng Trị về việc xây dựng nông thôn mới năm 2020). Các trục tuyến chính, các công trình đã phân cấp xã quản lý nhưng liên quan đến nhiều xã, thực hiện theo phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, ngân sách Nhà nước hỗ trợ một phần;

- Ngân sách trung ương hỗ trợ.
- Ngân sách tỉnh hỗ trợ.
- Ngân sách huyện (XDCB TT và đầu đất) thực hiện đầu tư.
- Vốn đóng góp của nhân dân.
- Vốn Tài trợ và huy động hợp pháp khác.

### **Phần thứ năm**

#### **Tổ chức thực hiện đề án**

- Trên cơ sở quy hoạch tổng thể của huyện, UBND các xã xây dựng quy hoạch chi tiết về xây dựng các công trình hạ tầng của địa phương mình, tính toán vốn đầu tư, trên cơ sở đó lập kế hoạch huy động vốn và đưa ra dân bàn bạc thống nhất, thực hiện đúng nguyên tắc "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra".

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục để nâng cao ý thức và trách nhiệm của nhân dân trong việc góp vốn cùng Nhà nước xây dựng kết cấu hạ tầng KT-XH, khắc phục tình trạng trông chờ, ỉ lại.

- UBND các xã cần tính toán mức huy động trong nhân dân để tránh tình trạng mức huy động vốn quá cao làm ảnh hưởng đến sinh hoạt và đời sống của nhân dân. Mỗi công trình xây dựng phải thành lập Ban quản lý để kiểm tra, giám sát chặt chẽ công tác thi công công trình và tiến độ giải ngân vốn đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Khi công trình hoàn thành phải tiến hành thanh quyết toán và thông báo công khai trước dân.

- Quản lý tốt các nguồn thu trên địa bàn xã, khai thác có hiệu quả các nguồn thu tiết kiệm chi tiêu và dành một tỷ lệ thích đáng từ tăng thu ngân sách xã hàng năm để đầu tư CSHT của địa phương. Tích cực xây dựng phương án đầu giá QSDĐ để tạo vốn xây dựng CSHT.

- Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về XDCB và quản lý quy hoạch, chú trọng chức năng tham mưu, thực hiện đúng Luật XD, thực hiện tốt công tác giám sát cộng đồng.

- Cấp uỷ và chính quyền xã phải xây dựng đề án phát triển CSHT để thực hiện Nghị quyết của Huyện uỷ về sử dụng các nguồn lực, phát huy nội lực để xây dựng CSHT, giai đoạn 2021-2025 và những năm tiếp theo.

- UBND xã có trách nhiệm lập kế hoạch hàng năm về xây dựng CSHT của xã, kế hoạch huy động vốn đưa ra dân bàn bạc thống nhất trước lúc tổ chức thực hiện. Kết hợp chặt chẽ việc lập kế hoạch phát triển KT-XH hàng năm với kế hoạch xây dựng các công trình trên địa bàn xã.

- Các Phòng Tài chính-Kế hoạch, Phòng NN&PTNT, Kinh tế-Hạ tầng, Phòng GD-ĐT và các phòng ban liên quan với chức năng của mình, phối hợp, chỉ đạo các xã xây dựng đề án, tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực tham gia đóng góp vào việc xây dựng CSHT. Tham mưu cho UBND huyện cân đối, phân bổ vốn đầu tư để xây dựng các công trình huyện quản lý và hỗ trợ các công trình do xã quản lý. Hướng dẫn giúp đỡ các xã trong việc xây dựng kế hoạch; phương án huy động và sử dụng vốn sát tình hình thực tế, bảo đảm tiết kiệm có hiệu quả ./.

**Nơi nhận:**

- TVHU;
- TTHĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- UBMTTQVN huyện;
- Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể cấp huyện;
- UBND các xã, thị trấn
- Lưu: VTUB.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phan Văn Linh**

**BIỂU CHI TIẾT KINH PHÍ HUY ĐỘNG ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN**

*ĐVT: Tỷ đồng*

TT	Tên công trình	Kế hoạch 2021-2025	Kế hoạch đến 2030	Cơ cấu theo nguồn vốn					Ghi chú
				NSTW, vốn vay và đối ứng của Chính phủ	NS tỉnh	NS huyện	NS xã	Nhân dân đóng góp, Hỗ trợ nguồn khác, HTX	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>613,3</b>	<b>186,7</b>	<b>356,5</b>	<b>84,0</b>	<b>105,4</b>	<b>-</b>	<b>71,2</b>	
<b>A</b>	<b>Kết cấu hạ tầng Thủy lợi</b>	<b>114,9</b>	<b>61,7</b>	<b>50,0</b>	<b>7,5</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>31,2</b>	
	<b>Kiên cố hóa kênh mương</b>	<b>62,4</b>	<b>61,7</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>31,2</b>	
1	Kênh cấp III 104km	62,4						31,2	
2	Kênh cấp III 102,9km		61,7						
	<b>Kênh tiêu úng</b>	<b>52,5</b>	<b>-</b>	<b>50,0</b>	<b>7,5</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
1	Kênh tiêu úng Thuận, Trạch, Trung, Tài, huyện Triệu Phong	45,0		50,0					BIIG II
2	Kênh tiêu úng Mụ Cheo xã Triệu Sơn	2,5			2,5				
3	Kênh tiêu úng xã Triệu Thành, Triệu Đại, Triệu Long	5,0			5,0				
<b>B</b>	<b>Kết cấu hạ tầng giao thông</b>	<b>498,4</b>	<b>125,0</b>	<b>306,5</b>	<b>76,5</b>	<b>105,4</b>	<b>-</b>	<b>40,0</b>	
	<b>a Đường huyện</b>	<b>232,5</b>	<b>-</b>	<b>136,5</b>	<b>66,0</b>	<b>30,0</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
1	Đường nối cầu An Mô vào Khu lưu niệm TBT Lê Duẩn	11,5		11,5					
2	Đường ĐH.41 (đoạn từ thôn Linh An đi Chợ Cạn).	7,5			7,5				
3	Đường ĐH.43B, ĐH.43C (Triệu Trung đi Triệu Tài, Triệu Sơn)	25,0		25,0					BIIG II
4	Đường ĐH.46 (Triệu Thuận đi Triệu Phước)	32,5			32,5				
5	Nâng cấp 3 tuyến đường ĐH: 44B, 44C, 44E	50,0		50,0					
6	Nâng cấp đường ĐH 46C	7,5			7,5				
7	Đường ĐH.42 (từ Triệu An đi Triệu Lăng)	30,0				30,0			
8	Điểm dừng tại Bồ Bàn (500m <sup>2</sup> )	0,5			0,5				
9	Đường ĐH 48B (Ái Tử - Trừ Lâu)	50,0		50,0					BIIG II

TT	Tên công trình	Kế hoạch 2021-2025	Kế hoạch đến 2030	Cơ cấu theo nguồn vốn					Ghi chú
				NSTW, vốn vay và đối ứng của Chính phủ	NS tỉnh	NS huyện	NS xã	Nhân dân đóng góp, Hỗ trợ nguồn khác, HTX	
10	Cầu bến Lợi huyện Triệu Phong	18,0			18,0				
	<b>b Đường nội thị thị trấn Ái Tử</b>	<b>195,4</b>	<b>-</b>	<b>120,0</b>	<b>-</b>	<b>75,4</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
1	Đường giao thông kết nối thị trấn Ái Tử với các xã phía Tây huyện Triệu Phong	80,0		60,0		20,0			
2	Hệ thống đường kết nối thị trấn Ái Tử với thị xã Quảng Trị	80,0		60,0		20,0			
3	Đường Trường Chinh (T19)	12,0				12,0			
4	Đường Trường Công Kính (TK2)	1,5				1,5			
5	Nâng cấp đường Trần Hữu Dực	1,1				1,1			
6	Đường Trần Phú, thị trấn Ái Tử.	8,0				8,0			
7	Đường Hồng Chương, thị trấn Ái Tử	4,0				4,0			
8	Hệ thống thoát nước, thị trấn Ái Tử	8,8				8,8			
	<b>c Đường xã</b>	<b>20,5</b>	<b>-</b>	<b>10,0</b>	<b>10,5</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
1	Đường Đồng Giám – Thanh Liêm - Giáo Liêm xã Triệu Độ	7,5			7,5				
2	Đường qua khu dân cư Thâm Triều xã Triệu Tài	2,0			2,0				
3	Đường qua khu dân cư Thôn Tân Xuân xã Triệu Thượng	1,0			1,0				
4	Đường Tân Xuân-Trám, xã Triệu Thượng (Dự án LRAMP)	10,0		10,0					
	<b>d Hệ thống đường liên thôn, thôn, ngõ xóm</b>	<b>40,0</b>	<b>125,0</b>	<b>40,0</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>40,0</b>	
1	Bê tông hóa phần đầu đến năm 2025 thêm 100km	40,0		40,0				40,0	
2	Bê tông hóa phần đầu đến năm 2030 thêm 150km		125,0						